

## **SỰ THAM GIA CỦA CÔNG GIÁO ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ VỚI VIỆT MINH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946-1954)**

NGÔ QUỐC ĐÔNG<sup>(\*)</sup>

**B**ài viết này muốn soi rọi lại những hoạt động tích cực của một bộ phận Công giáo ở Đồng bằng Bắc Bộ trong cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống lại sự tái chiếm của thực dân Pháp những năm 1946 -1954.

### **1. VAI TRÒ CỦA CÔNG GIÁO ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ TRONG BUỔI ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN**

Vào mùa xuân năm 1955, Wojciech Ketrzynski, thành viên phái đoàn Công giáo Ba Lan được Việt Nam mời qua thăm, đã kết luận trong bản báo cáo của mình như sau: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đương đầu với một nhiệm vụ hết sức khó khăn: Ngay từ bước đầu phải tìm cách xây dựng nhà nước, đồng thời tiến hành cuộc đấu tranh gian khổ nhằm thống nhất đất nước. Trong tổng thể các vấn đề chính trị của Việt Nam, yếu tố Công giáo không giữ một vai trò quan yếu. Tuy nhiên là nhóm tôn giáo có tổ chức, thuần nhất và lớn mạnh nhất, có lẽ Công giáo có một trọng lượng nhất định trong cán cân quyền lực chung”<sup>(1)</sup>.

Nhận định tóm tắt trên khá chính xác vai trò của Công giáo Việt Nam chống lại sự tái chiếm của thực dân Pháp. Giai đoạn 1946 - 1954, Công giáo là một “lực lượng chính trị” mà cả phía Chính phủ Việt Minh lẫn phía thực dân Pháp đều muốn “liên minh” để tìm hậu thuẫn. Tất nhiên, mục đích và động cơ của sự “liên minh” ấy là hoàn toàn khác nhau.

#### **1.1. Công giáo trong đường lối đoàn kết của Đảng ta**

Tuy vấn đề Công giáo không phải là vấn đề trọng tâm với nền độc lập Việt Nam sau năm 1945, song tranh thủ được sự ủng hộ của người Công giáo là một quan tâm không nhỏ của Đảng và Nhà nước ta nhằm tạo dựng sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Để tạo sức mạnh, chính sách của những người Cộng sản là đoàn kết toàn dân, trong đó Công giáo là một bộ *quan trọng* và *đặc biệt*. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, đây là vấn đề chiến lược lâu dài, đáp ứng yêu cầu cần thiết của cuộc *chiến tranh nhân dân* và đường lối *lấy dân làm gốc*. Chúng ta càng thấy rõ chiến lược này khi biết rằng lực lượng kháng chiến những năm 1946 - 1954 của Việt Minh không chỉ có Công giáo mà còn cả lực lượng tư sản, tiểu tư sản, trí thức, địa chủ, trung nông, v.v... Sự tham gia đồng đảo của các lực lượng này chứng tỏ Việt Minh là một mặt trận đa dạng, có sự liên

\*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Báo cáo về hoạt động của phái đoàn Công giáo tại Việt Nam từ ngày 13/04 đến ngày 30/5/1955, Hà Nội, có chữ kí của Wojciech Ketrzynski. Dẫn theo: Trần Thị Liên. “Vấn đề Công giáo miền Bắc Việt Nam qua tư liệu lưu trữ Ba Lan (1954 - 1956)”. Tạp chí *Thời Đại mới*, số 4, tháng 3/2005, tr.1 (Nguyễn Ngọc Giao dịch). Wojciech Ketrzynski là một người Công giáo thuộc tổ chức PAX, một tổ chức tập hợp những linh mục và tín đồ Công giáo Ba Lan tán thành chính sách mới của Đảng Cộng sản Ba Lan, ra đời ngay sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai. Chi tiết về tổ chức này, xin xem cụ thể tại một số bài viết trên báo *Chính Nghĩa* các năm 1955, 1956.

minh của toàn thể dân tộc. Mặt khác, cũng phản ánh rõ mục đích của Mặt trận ấy là: Trong một nước bị thực dân xâm chiếm, yêu cầu đánh đuổi thực dân là trọng tâm và được đặt ra cho toàn thể dân tộc chứ không phải của riêng một lực lượng nào. Do đó, sự có mặt của các lực lượng ngoài Việt Minh là cần thiết, trong đó có đông đảo quần chúng Công giáo. Giải quyết mối quan hệ với Công giáo được đặt *trong và dưới* vấn đề dân tộc.

Có thể thấy rõ hơn vai trò Công giáo Đồng bằng Bắc Bộ khi xem xét lại tình hình nơi đây. Lúc đó, Công giáo là một lực lượng khá mạnh<sup>(2)</sup>. Do tính chất đặc thù của lịch sử du nhập và phát triển, Công giáo có ảnh hưởng không nhỏ tại Đồng bằng Bắc Bộ, một vùng *sau lưng địch* của cuộc kháng chiến kể từ năm 1947, khi lực lượng chủ yếu của Việt Minh đã tập trung ở Chiến khu Việt Bắc. Để thực hiện chiến lược đoàn kết toàn dân kháng chiến, Việt Minh đã đẩy mạnh công tác Công giáo vận. Với những nỗ lực của Hồ Chí Minh, dù chưa thực sự thoả nguyện, nhưng rõ ràng giai đoạn 1945 - 1947 có sự hài hòa tương đối ổn định giữa Việt Minh với Công giáo Bắc Bộ. Từ năm 1949, Công giáo trở thành “điểm nóng” ở Đồng bằng Bắc Bộ. “Liên minh” giữa một số người đứng đầu Công giáo ở Đồng bằng Bắc Bộ với Cộng sản hầu như đã bị đảo ngược, nhất là sau Thư chung năm 1951 của các giám mục Đông Dương.

## 1.2. Công giáo với âm mưu lợi dụng của thực dân Pháp

Kể từ sau mùa đông năm 1946, cuộc kháng chiến chống Pháp đã qua những ngày tháng ác liệt đầu tiên. Chính phủ Hồ Chí Minh không hề bị tiêu diệt mà ngày càng lớn mạnh cả về thực lực lẫn hình ảnh của mình trong lòng dân chúng. Sự tái thiết chế độ thuộc địa cũ trở thành cái bóng mờ dần trong con mắt của lãnh đạo quân đội Pháp. Chính vì vậy, để xoay chuyển tình thế và để tìm một chút ổn cố

nào đó, đế quốc Pháp trong chiến lược “chiến tranh tổng lực” đã không bỏ quên lực lượng Công giáo, vốn dĩ là một lực lượng mà sự “dễ nhạy cảm” của họ có thể đem lại sự hữu ích cho cuộc chiến của quân Pháp ở chiến trường Bắc Bộ.

Đối tượng của thực dân Pháp tất nhiên là Cộng sản Việt Nam, mà Cộng sản lúc đó đang bị Giáo hội La Mã lên án.

Để lôi kéo Công giáo ở Việt Nam, mà trọng tâm là ở Bắc Bộ, thực dân Pháp tiến hành những bước đi khôn khéo<sup>(3)</sup>. Điều này đã có tác dụng. Sau ngày 16/10/1949, (Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm, Bùi Chu dưới danh nghĩa bảo vệ đạo, giải phóng Công giáo khỏi Cộng sản), trong vùng do thực dân Pháp kiểm soát, một bộ phận Công giáo đã hợp tác với Pháp. Vùng Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, một số giám mục cử các linh mục làm Tuyên úy cho quân đội Liên hiệp Pháp.

Không dễ cho người Công giáo lẻ tẻ theo lương tâm có thể ủng hộ hay không ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam, các giám mục Đông Dương đã họp nhau tại Hà Nội và ra Thư

2. Đến năm 1945, trong 5 giám mục Việt Nam được tấn phong, có 4 vị cai quản ở các địa phận ở Bắc Bộ. Điều này cho thấy Bắc Bộ lúc đó là một trung tâm Công giáo lớn, quan trọng đối với Tòa Thánh La Mã, và các giám mục Pháp. Đây cũng chính là vùng mà thực dân Pháp đã lợi dụng Công giáo chia rẽ khối đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến giai đoạn 1946 - 1954. Trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1948 - 1952, dường như trọng tâm vấn đề tôn giáo là câu chuyện Công giáo ở Liên khu III, Liên khu IV. Từ năm 1953 trở về sau, trọng tâm đó đã thực sự “chuyển” về Nam Bộ.

3. Bước đi cụ thể của thực dân Pháp là:

- Phân biệt và lợi dụng kích động sự khác nhau về ý thức hệ giữa những người Việt Nam không Cộng sản và những người Việt Nam Cộng sản, những người vô thần với hữu thần.

- Đem chính khách làm bình phong để tìm hậu thuẫn: giải pháp Bảo Đại (Bảo Đại đã là người thân Công giáo).

- Năm 1951, khi bị sa lầy trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Pháp cử De Lattre de Tassigni sang cầm cự. De Lattre còn là một nhà ngoại giao. Trước khi nhận chức, De Lattre qua Hoa Kỳ xin thêm viện trợ và qua Vatican yết kiến Giáo hoàng Pio XII.

chung ngày 9/11/1951 cấm người Việt Nam Công giáo không được tham gia kháng chiến, không được giúp cho kháng chiến.

Trở lại những phân tích quen thuộc trên để thấy rằng những năm 1946 - 1954, Công giáo vùng Đồng bằng Bắc Bộ là một lực lượng quân chúng quan trọng. Sự tham gia của lực lượng này vào cuộc chiến có thể đem lại những đóng góp tích cực nhưng cũng có thể đem lại những phản ứng tiêu cực đáng tiếc. Linh mục Trần Tam Tỉnh từng nhận xét: “Nhưng các vị thừa sai - vẫn cầm đầu Giáo hội Việt Nam - đã không ngồi yên. Thế rồi 1949, Pháp nhẩy dù “giải phóng Phát Diệm, Bùi Chu” hai địa phận miền quê đông giáo dân nhất Bắc Việt, Đức Cha Chi tổ chức tự vệ Công giáo, linh sủng của Pháp (...). Trong giai đoạn tiêu thổ kháng chiến, Chính phủ Hồ Chí Minh đã kính nể không đụng đến các nhà thờ, toà giám mục, chủng viện, đến khi Tây về các tỉnh, những toà giám mục chủng viện đó thành nơi đóng quân và trú ngụ của sĩ quan Pháp. Khách quan mà nói, nếu Pháp cầm cự được đến năm 1954, một phần là nhờ sự cộng tác tích cực và hăng say của Công giáo”<sup>(4)</sup>.

## 2. KHÓ KHĂN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM CÔNG GIÁO TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỦNG HỘ VIỆT MINH - NHÌN TỪ QUAN ĐIỂM GIÁO HỘI

Sau năm 1945, thế giới bước vào Chiến tranh lạnh với hai cực đối đầu Xô - Mỹ, một bên là khối chủ nghĩa xã hội và bên kia là khối tư bản. Từ sau 1950, thực dân Pháp rơi vào thế bị động đối phó ở chiến trường Đông Dương. Trong một bối cảnh chính trị như vậy, Giáo hội Công giáo như có thêm cơ sở thực tế củng cố những nhận định “khất khe” của mình về Chủ nghĩa Cộng sản<sup>(5)</sup>.

Sự tham gia dẫn thân vào những hoạt động kháng chiến của người Công giáo

Đồng bằng Bắc Bộ thời kì 1946-1954 thường đụng độ với những *quan niệm “chính thống”* của Giáo hội lúc đó.

Khi đụng tới các giáo luật, Giáo hội dùng các hình phạt để đảm bảo những luật lệ cũng là đảm bảo chính lợi ích của Giáo hội. Trong kháng chiến chống Pháp, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam có những kỉ luật khắt khe với những người Công giáo tham gia, hoặc ủng hộ kháng chiến của những người Cộng sản. Một linh mục nhận xét: “Trong lịch sử truyền giáo ở nước ta, chúng ta bị đặt trong tình trạng khó có thể biểu lộ tình yêu tha thiết đối với quê hương. Ngày trước ở chủng viện, hễ ai nói tới chuyện yêu nước là khó có hi vọng chịu chức linh mục”<sup>(6)</sup>.

Ngày 1/7/1949, trả lời những thắc mắc liên quan đến chính trị nội bộ của riêng nước ý, Thánh bộ Đức tin tuyên bố rằng: “Những người Cộng sản đương nhiên bị vạ tuyệt thông tức khắc, tất cả những ai hợp tác với Đảng Cộng sản, hoặc bỏ phiếu cho Cộng sản, hoặc đọc xuất bản, phân phối báo chí Cộng sản, hoặc giúp đỡ bất kì cách nào cho Đảng Cộng sản đều bị khai trừ khỏi các bí tích”. Lập tức quân Pháp làm những trận mưa truyền đơn mang nội dung của Thánh bộ rải xuống các làng Công giáo. Do hạn chế vốn liếng thần học của các linh mục và giáo dân Việt Nam, nên họ hoang mang dao động.

4. Linh mục Trần Tam Tỉnh. “*Miền Bắc có gì lạ?*”. Tạp chí *Đông Dao*, số 55, tháng 01 năm 1974, tr.54.

5. Những nhận định “khất khe” về Chủ nghĩa Cộng sản thường hay được trích nhất trong thông điệp “*Divini Redemptoris*” năm 1937. Xem: Trương Bá Cần. *Người Công giáo Giáo phận Vinh trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)*. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 17, tháng 5/1996, tr.69-105; Trung Chính. *Người Công giáo trước thời cuộc*. Nhà in Lê Bảo Tịnh, Phát Diệm, 1950; bài viết của Nguyễn Quang Hưng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, năm 2002, tr.34.

6. *Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Yêu nước Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh, tập I-II, 1986, tr.19.

Trước chỉ thị đó của Vatican, “Rôma đã phán dạy, vậy ai cũng phải vâng theo”<sup>(7)</sup>.

Theo một nguyên tắc nhất thể chế, Giáo hội và Công giáo ở Việt Nam có “nghĩa vụ” phải thi hành những mệnh lệnh trên của Giáo hội. Đôi khi, họ còn tỏ ra gương mẫu, thực tế nhằm thúc ép giáo dân phải tuân theo. Trong tình huống này, tiếc thay không ít quần chúng Công giáo cũng chẳng kém gì những chức sắc trên họ về sự sợ hãi và kém hiểu biết. Họ gián tiếp sợ Giáo hoàng, trực tiếp sợ giám mục, linh mục trong xứ đạo của họ.

Thư chung 1951 được xem như việc “thánh hiến” mọi hành động của giáo dân Việt Nam với Cộng sản, đồng thời đe dọa: Người Công giáo nào gia nhập Đảng Cộng sản thì lập tức khai trừ khỏi Giáo hội.

Trở lại vài sự kiện lịch sử nói trên để thấy rằng, người Việt Nam Công giáo thật khó biểu hiện lòng yêu nước bởi những ràng buộc từ phía Giáo hội.

### 3. CƠ SỞ HÌNH THÀNH CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN CÙNG VỚI VIỆT MINH CỦA MỘT BỘ PHẬN CÔNG GIÁO ĐÔNG BẮC BỘ

#### 3.1. Cơ sở từ phía những người Cộng sản

3.1.1. *Người Cộng sản Việt Nam thực sự là những đại biểu ưu tú, đại diện cho quyền lợi dân tộc và đã thành công trong đường lối cách mạng của mình.* Sau bao năm chịu đô độ của thực dân Pháp, những người thức tỉnh quần chúng để thấy cảnh áp bức, đòi hỏi và giành lại quyền độc lập cho nhân dân Việt Nam lại là những người không tôn giáo, những người Cộng sản. *Đây là điều không chỉ người Việt Nam Công giáo mà toàn thể dân tộc Việt Nam đều phải ghi nhận.* Khi Pháp tái chiếm Bắc Bộ tháng 12/1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một cuộc kháng chiến được bắt đầu từ những khó khăn chồng chất, cuối cùng đã thành công, khiến cả thế giới khâm phục.

Vậy vấn đề đặt ra là đúng vào lúc lịch sử nhân loại có nhu cầu “*giải thực*” thì *Đảng Cộng sản Việt Nam là đại diện duy nhất đáp ứng nhu cầu ấy* và là *đại diện duy nhất có chủ trương cách mạng đúng đắn.* Với thực tế đó, người Việt Nam Công giáo dù có bị cưỡng chế bởi luật lệ Giáo hội cũng không phải không nhìn ra *tính chất cách mạng và chính nghĩa của cuộc chiến tranh do người Cộng sản lãnh đạo.* Do vậy, sẽ không lấy gì làm lạ khi có một bộ phận linh mục và giáo dân âm thầm hoặc công khai trước “*giáo quyền*” để đứng vào hàng ngũ kháng chiến.

Rõ ràng ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam với Công giáo theo chiều hướng tích cực, đồng thuận để hòa giải đầu phải vì *chủ thuyết vô thần*, mà chủ yếu nhờ vào *vai trò của Đảng Cộng sản trong cuộc đấu tranh cho nền độc lập.* ảnh hưởng này rõ ràng có sức hút với những người Việt Nam Công giáo yêu nước trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1946 - 1954.

3.1.2. *Những người Cộng sản sớm khẳng định chính sách tự do tín ngưỡng.* Đến thời điểm năm 1945, có hai vấn đề cần phải được giải quyết với Công giáo là: *xóa bỏ cách nhìn định kiến* và *bảo đảm nhu cầu tôn giáo chính đáng cho Công giáo*, nói cách khác là *bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng.* Hai vấn đề này trên thực tế đã được những người Cộng sản thực hiện, thể hiện rất rõ trong Hiến pháp và các sắc lệnh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa<sup>(8)</sup>.

7. Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và Lưỡi gươm.* Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.85. Trong hội thảo *Công giáo và Dân tộc: Hôm qua và Hôm nay* do Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức các ngày 27 và 28/4/2006, Linh mục Trần Tam Tĩnh nói rõ hơn về vấn đề này. Theo linh mục, việc rải truyền đơn đó là trong ý đồ của thực dân Pháp, đã lợi dụng truyền đơn trong điều kiện dành cho nội bộ nước ý lúc đó để áp vào Việt Nam.

8. Xem: *Tuyên bố của Hồ Chí Minh ngày 3/9/1945;* Chương II, Mục B của *Hiến pháp 1946* do Hồ Chí Minh chỉ đạo soạn thảo.

Về mặt thực thi, Việt Minh đã ban hành những chỉ thị nghiêm ngặt, cấm đoán mọi hành động xúc phạm tôn giáo, nhất là việc phá huỷ nơi thờ cúng<sup>(9)</sup>. Đây là những cố gắng thực sự nhằm hạn chế sự “bất hoà” đối với người Công giáo. Không những không cấm đoán việc thờ Chúa, Việt Minh còn cho phép tổ chức những cuộc lễ trọng<sup>(10)</sup>. Trong chủ trương tiêu thổ kháng chiến, Việt Minh vẫn *tôn trọng* cơ sở vật chất của Giáo hội, khác hẳn quân đội viễn chinh Pháp không ngần ngại phá huỷ khá nhiều cơ sở tôn giáo. Đầu năm 1949, một giáo sĩ thừa sai viết: “Nói chung chính sách của Việt Minh tỏ ra khoan dung. Dường như người Công giáo, với tư cách Công giáo, không bị khó dễ gì hơn là các thành phần khác trong dân chúng (...) rõ ràng là có chỉ thị từ cấp cao (...). Thực sự đây là cả một chính sách nhằm tranh thủ người Công giáo”<sup>(11)</sup>.

Nhìn chung từ 1945 đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp 1954, các sắc lệnh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều *nhất quán* và *càng thể chế rõ* chính sách *đảm bảo tự do tín ngưỡng*. Đây là cơ sở để đông đảo lực lượng Công giáo yên tâm đồng hành với những người Cộng sản trong cuộc kháng chiến.

**3.1.3. Vai trò của Hồ Chí Minh trong đoàn kết tôn giáo kháng chiến.** Hồ Chí Minh được xem như một biểu tượng lớn của chính sách đoàn kết toàn dân tộc. Chính sách này đã mang lại kết quả ngay từ Cách mạng tháng Tám 1945, khi bốn giám mục Công giáo đều thừa nhận Hồ Chí Minh là Chủ tịch chân chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Hồ Chí Minh còn có sáng kiến lớn trong việc cổ vũ những người Công giáo yêu nước thành lập ra tổ chức Công giáo cứu quốc, thu hút các linh mục, giáo dân yêu nước tự nguyện đứng vào hàng ngũ Việt Minh. Mặt khác, Hồ Chí Minh lại là người chủ động thiết lập “mô hình” *Kính Chúa - Yêu nước* cho lối sống đạo của

người Việt Nam Công giáo trong một nền tảng chính trị - xã hội mới. Trong một bản thảo của Người viết ở Việt Bắc chưa được công bố thấy rõ tư tưởng này: “.... Thực dân Pháp lợi dụng thủ đoạn cũ để mong chia rẽ lương và záo, để làm kém lực lượng kháng chiến của ta, để cướp nước ta một lần nữa:

Song thực zân Pháp quên rằng:

- Việt Nam ngày nay là *zân chủ cộng hòa*, tôn záo tự do.

- Việt Nam ngày nay đã *toàn dân đoàn kết*, záo cũng như lương, kiên quyết kháng chiến để tranh lấy thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

- Đồng bào công záo quyết thực hiện khẩu hiệu: *Fụng sự Đức Chúa, Fụng sự Tổ quốc*, và đều hiểu rằng: Kính Chúa mà không biết yêu Nước là chưa biết Kính Chúa, mà yêu Nước thì phải kháng chiến”<sup>(12)</sup>.

Cái hay của “mô hình” này là ở chỗ *không đẩy người Việt Nam Công giáo vào một sự chọn duy nhất* (hoặc Thiên Chúa hoặc Tổ Quốc), điều này có tác dụng *giữ* quần chúng giáo dân ở lại với cách mạng.

Sự hài hoà *giữa tư tưởng, hành động và nhân cách* Hồ Chí Minh luôn là cơ sở

9. Sắc lệnh 20/9/1945 do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp kí quy định: “Điều thứ nhất: Đền chùa, lăng tẩm, nhà thờ, tất cả các nơi có tính cách tôn giáo, bất cứ nơi nào nhân dân đều phải tôn trọng, không được xâm phạm”.

10. Xem: *Sắc lệnh số 22 ngày 18/12/1946*.

11. *Bulletin de la société des MEP*, 4/1949, n°10, Đoàn thừa sai Bắc Kỳ, G. LEBOURDAIS, 14/2/1949, tr. 208-209. Dẫn theo: Trần Thị Liên. “Vấn đề Công giáo miền Bắc Việt Nam qua tư liệu lưu trữ Ba lan (1954-1956)”. Tạp chí *Thời Đại mới*, số 4, tháng 3/2005.

12. Bản thảo tác phẩm Hồ Chí Minh viết về Công giáo, khoảng năm 1949, phân *giặc Pháp giết hại Công giáo Việt Nam*, (Tài liệu chưa công bố). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, trang đầu tiên. Trích dẫn nguyên văn cách viết trong nguyên bản. Chúng tôi dẫn lại từ bài: *Những người Cộng sản Việt Nam với đường hướng “đồng hành cùng Dân tộc” và Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam* của GS. Đỗ Quang Hưng trong cuốn: *Nửa thế kỉ người Công giáo Việt Nam đồng hành cùng Dân tộc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005, tr. 45-46.

để quy tụ sức mạnh của cả dân tộc vào sự nghiệp kháng chiến<sup>(13)</sup>.

### 3.2. Từ phía người Công giáo

3.2.1. Họ là người Công giáo, nhưng trước khi tin nhận Chúa họ là người Việt Nam, cũng mang trong mình nỗi nhục mất nước và tình tự với dân tộc như những đồng bào không đồng đạo. Có thể nói, đây là động lực của lòng yêu nước, là sơ sở cho việc tham gia kháng chiến. Dù là người Công giáo, không Công giáo hay Cộng sản, *gạt bỏ sự đối diện về ý thức hệ*, riêng ở góc độ *con người Việt Nam*, đều mang trong mình dòng máu anh hùng và “chủ nghĩa yêu nước”.

3.2.2. Đối với người Việt Nam Công giáo yêu nước những năm 1946-1954, *động lực lớn nhất* để họ đồng hành với dân tộc ở một thời điểm lịch sử khó khăn như vậy chính là bắt nguồn từ sự thành công của Cách mạng tháng Tám. Từ thành công của Cách mạng tháng Tám, người Việt Nam Công giáo có *quyền nói về dân tộc và được bàn về dân tộc*, những điều mà trước đây họ kín kẽ hoặc ít công khai với Giáo hội. Chính hoạt động yêu nước của Công giáo đã từng là *một giá trị được tồn tại và được thừa nhận trước đó*. Kháng chiến tạo chia cắt giữa “hai xu hướng” của Công giáo, nhưng những *tiền lệ tốt đẹp* từ những ngày đầu Cách mạng vẫn có tác dụng tích cực.

3.2.3. Mặt khác, cuộc kháng chiến qua thực tiễn ngày càng đi đến triển vọng thắng lợi. Chính sách của những người Cộng sản dần dần *được kiểm chứng bằng thực tế* khác hẳn với những gì Giáo hội và các nhà lãnh đạo quân đội Pháp tuyên truyền. Những xu hướng đúng đắn và chính nghĩa của cuộc kháng chiến ngày càng được toả sáng và khẳng định bằng thắng lợi ở chiến trường. Điều này càng thắt chặt niềm tin của người Công giáo Đông bằng Bắc Bộ ở con đường mà họ đã lựa chọn: *Kính Chúa gắn liền với yêu nước*.

3.2.4. *Quân Pháp tàn phá các cơ sở Công giáo, giết hại giáo dân và linh mục yêu nước*. Mục đích tâm lý của quân Pháp là kích động, chia rẽ lực lượng kháng chiến của Việt Minh. Do đó, quân đội Pháp thường chiếm đóng những địa bàn “nhạy cảm” là các cơ sở tôn giáo để tìm diệt Việt Minh ẩn nấp, cũng như vu khống cho Việt Minh phá đạo dưới chiêu bài “thiết tha bảo vệ tín ngưỡng và an ninh cho đồng bào”.

Nhưng đọc lại các tư liệu cho thấy, chính quân đội viễn chinh Pháp lại là những kẻ phá đạo nhất, những hành động đó không đủ cơ sở tin cậy dù nhỏ nhất cho chiêu bài “bảo vệ tín ngưỡng” của người Pháp<sup>(14)</sup>. Hành động của quân Pháp chỉ làm tăng thêm tinh thần kháng chiến và oán ghét từ phía người Việt Nam Công giáo.

Với những cơ sở nền tảng nêu trên, sẽ không quá lời khi nói những người Công giáo Việt Nam yêu nước giai đoạn này phải trải qua “cuộc cách mạng của lòng mình” thoát ra khỏi ý thức tôn giáo thuần túy để đi đến ý thức dân tộc và dựa trên ý thức dân tộc để xem xét lại vấn đề của tôn giáo, mà cụ thể ở đây là phương châm sống đạo trong lòng của dân tộc, hoà nhập, ủng hộ và tham gia kháng chiến.

## 4. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA CÔNG GIÁO ĐÔNG BẰNG BẮC BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP 1946-1954

### 4.1. Các linh mục ủng hộ, tham gia kháng chiến

Dưới chính sách đoàn kết toàn dân kháng chiến của Hồ Chủ tịch, ở Đông

13. Xem thêm bài viết của Ngô Quốc Đông trên Nguyệt san *Công giáo và dân tộc*, số 150, tháng 6 năm 2007, tr.113-137.

14. Có thể xem tập tài liệu dài 16 trang viết năm 1950 đề cập chi tiết các vụ việc quân Pháp ném bom nhà thờ, hiếp bà phước, giết linh mục,... ở Thư viện Quân đội Trung ương với tiêu đề *Tội ác của thực dân Pháp đối với đồng bào Công giáo Việt Nam*.

bằng Bắc Bộ có nhiều linh mục, giáo dân tham gia mặt trận Việt Minh, tham gia kháng chiến. Những linh mục hoạt động tích cực cho kháng chiến và làm tốt chính sách đoàn kết giữa Công giáo với Cộng sản như Nguyễn Thế Vịnh, Hoàng Quang Tự, Nguyễn Duy Trinh, (Giáo phận Phát Diệm), Vũ Xuân Kỳ, Nguyễn Tất Tiên (Giáo phận Hà Nội), Phạm Quang Phước (Giáo phận Hải Phòng), v.v...

Linh mục Phạm Bá Trực hiểu rõ hơn ai hết những cảnh bất công của đồng bào, nên đã nhiều lần thay mặt những người Công giáo yêu nước kêu gọi đồng bào lương, giáo cùng gắn bó kháng chiến. “Vì chính nghĩa ta hãy đoàn kết, đại đoàn kết chặt chẽ với hết thầy đồng bào toàn quốc (...). Ta hãy đứng lên sát cánh với toàn thể đồng bào đang kháng chiến lấy lại cho kì được độc lập thống nhất, tự do thực sự cho Tổ quốc... Ta hãy vì Chúa, vì chính nghĩa mà kháng chiến oanh liệt cho đến khi tổng cổ quân xâm lăng ra khỏi nước ta, đó là ý ngay lành đẹp lòng Chúa”<sup>(15)</sup>.

Người Công giáo tham gia kháng chiến ở Miền Bắc cảm thấy đau lòng khi các giám mục Đông Dương đưa ra Thư chung chống Cộng tháng 11/1951. Linh mục Nguyễn Thế Vịnh nói về tâm trạng này như sau: “Chúng tôi cảm thấy một nỗi buồn tê tái trước việc Giáo hội chạy theo cơ đồ của Pháp, nhưng sau khi cùng nhau nghiên cứu kĩ lưỡng tài liệu của hàng giáo phẩm đã tỏ rõ một lập trường chính trị hơn là tôn giáo, rằng lập trường đó đi ngược lại điều răn của Chúa dạy phải yêu mến Tổ quốc.... và cũng làm thiệt hại cho chính Giáo hội Việt Nam, lẽ ra phải đoàn kết toàn dân Việt Nam để giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ. Để đáp lại tuyên bố của các giám mục theo cách của chúng tôi, chúng tôi đã tăng cường cuộc chiến đấu vì nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam”<sup>(16)</sup>.

Linh mục Vũ Bá Nghiễm, chính xứ Côn Thoi (Phát Diệm), là một tấm gương

điển hình trong việc kêu gọi giáo dân tham gia kháng chiến chống giặc Pháp, tạo sự tín nhiệm lớn giữa người Công giáo với chính quyền cách mạng. Tuy nhiên, hoạt động của linh mục đã bị các lực lượng đối nghịch để ý. Năm 1950, linh mục bị giặc ám sát, nhưng may mắn thoát nạn.

Tại khu III, khu IV, nhiều giáo dân cùng lực lượng du kích và bộ đội Việt Minh giữ vùng tự do, góp sức người, sức của cho kháng chiến. Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến Liên khu III đã kịp thời vạch trần âm mưu lợi dụng Công giáo của thực dân Pháp, đồng thời tích cực vận động giáo dân tham gia kháng chiến. Sau tuyên bố của Thư chung 11/1951, Hội nghị Ban Thường trực Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến khu III được triệu tập ngày 11/12/1951, dưới sự chỉ đạo của Linh mục Vũ Xuân Kỳ. Hội nghị đã nhận định lại Thư chung 1951. Các linh mục yêu nước và Hội nghị Ban Thường trực đều xác nhận nhiệm vụ người Việt Nam Công giáo chân chính lúc này là phải tỉnh táo hơn nữa để nhận rõ thủ đoạn chia rẽ mới của giặc Pháp.

Trước âm mưu của thực dân Pháp, Hội nghị Ban Thường trực tuyên bố: “Người Việt Nam Công giáo ủng hộ Chính phủ Kháng chiến Hồ Chí Minh, chống lại bọn thực dân Pháp, Mỹ không phải là một việc làm theo ý riêng mình mà là vâng theo điều luật Giáo hội đã dẫn dạy, phải vâng phục Chính phủ hợp pháp”. *Đây phải chăng là một ứng biến linh hoạt của tư duy không lệ thuộc vào những điều “có hữu” của luật lệ Giáo hội, và tính chất nhất thể hóa đâu có thể xóa nhòa đi các giá trị dân tộc.* Kết luận cuối cùng của Hội nghị đưa ra càng khẳng định điều này, biểu hiện bằng việc các linh mục của Hội nghị đều thể hiện thống nhất đường hướng: *Kính Chúa - Yêu nước.*

15. Xem: báo *Sự Thật*, số 105, năm 1948.

16. Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Sđd, tr. 195.

#### 4.2. Sự tham gia kháng chiến của giáo dân

Từ các nguồn tư liệu cho chúng ta biết rằng chính ở Đồng bằng Bắc Bộ, nhiều tấm gương người Công giáo tham gia vào cuộc kháng chiến cùng bộ đội Việt Minh dưới nhiều hình thức khác nhau<sup>(17)</sup>. Lúc này đã có hàng vạn thanh niên Công giáo có mặt trên các mặt trận Nam Bộ, Lào, Campuchia và đặc biệt là ở Bắc Bộ. Chỉ tính riêng ở ba tỉnh Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định, trong kháng chiến chống thực dân Pháp với hơn 20% giáo dân trong tổng số đồng bào Công giáo cả nước đã có hơn 4.104 thanh niên đi bộ đội, 556 liệt sĩ và 355 thương binh<sup>(18)</sup>.

Ở những khu vực được xem là “điểm nóng” của vấn đề Công giáo, những cuộc họp bàn và cao hơn là những cuộc hội nghị của giáo dân yêu nước vẫn được tổ chức. Chẳng hạn, tháng 1/1952, hội nghị Công giáo toàn Giáo phận Phát Diệm đã đề ra việc đoàn kết giáo dân yêu nước, hưởng ứng phong trào hoà bình thế giới. Phản ánh sự không hài lòng của Giáo hội trước sự nhiệt thành biểu lộ tinh thần yêu nước của giáo dân Đồng bằng Bắc Bộ, tập kỉ yếu Liên chủng viện số 1, tháng 1/1953, trang 172 viết: “Chúng ta có thể nhận thấy một số chiền đã sang hàng ngũ Cộng sản, ta cũng sẽ thấy rằng đoàn chiền của ta không còn nguyên vẹn như xưa nữa. Đức tin của một phần rất đông đã bị lung lay, đầu óc họ bị ám ảnh bởi biết bao thắc mắc, lòng phục tùng Giáo hội bị giảm sút đi rất nhiều. Con đường trụi xuống đáy của giáo dân, hiện nay vẫn còn đang xuống mạnh, và vẫn lôi cuốn thêm nhiều kẻ đồng hành. Nếu hàng giáo sĩ chúng ta không mở một mặt trận phản tuyên truyền cho mạnh, thời cảnh rồi sẽ tan rã nhiều nữa”.

Ngay tại khu tập trung đông giáo dân như Kẻ Sặt, Pháp đóng hơn một chục đồn bốt ngày đêm lùng sục bắt bớ, nhưng giáo dân ở đây vẫn đào hầm nuôi giấu cán bộ Việt Minh, giúp Việt Minh nắm vững

tình hình quân Pháp. Có gia đình ở Bình Lục (Hà Nam) đã đào 6 hầm bí mật giấu cán bộ du kích. Có gia đình, như ông bà Nguyễn Huy Cường, đã che giấu cả một tiểu đội quân Việt Minh, khi bị địch phát hiện giết chết cả ba con nhưng ông vẫn không khai. Tại Kim Sơn (Ninh Bình), nơi lực lượng phản động lợi dụng Công giáo ra sức kìm kẹp, lùng sục, nhưng nhiều gia đình Công giáo vẫn thể hiện tinh thần yêu nước, dám chấp nhận tù đầy, hi sinh như gia đình ông Phạm Văn Tích, bà Phạm Thị Độ, bà Được, ông Trường, v.v... Năm 1951, ở Kim Sơn, đã có 238 thanh niên Công giáo tham gia du kích, 2.516 giáo dân đóng thóc cho kháng chiến, có vị linh mục đã mua công trái 2 tấn thóc ủng hộ kháng chiến<sup>(19)</sup>.

Có rất nhiều điển hình Công giáo góp sức, tham gia với lực lượng du kích và bộ đội Việt Minh tại Đồng bằng Bắc Bộ. Điều đáng nói là người ta thấy có sự tham gia góp sức không nhỏ của những phụ nữ Công giáo<sup>(20)</sup>.

17. Từ các nguồn tư liệu có thể kể ra rất nhiều tấm gương người Việt Nam Công giáo tham gia, ủng hộ kháng chiến chống thực dân Pháp dưới những hình thức khác nhau. Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ nêu một số điển hình tiêu biểu.

18. Dẫn theo: Nguyễn Thị Hà. *Đạo Thiên Chúa và ảnh hưởng của nó đối với xã hội Việt Nam*. Luận văn tốt nghiệp Triết học. Hà Nội 1995, tr.40. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

19. Theo: Hồ Thúc Hoà. *Công giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*. Luận văn Thạc sĩ Tôn giáo. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội 2001, tr. 91.

20. Chị Nguyễn Thị Lương thuộc Giáo xứ Kẻ Sặt (Hải Dương) trong những năm 1946 - 1954 đã tích cực hoạt động du kích, kháng Pháp bảo vệ xóm làng. Chị cũng là một người Công giáo yêu nước. Anh đã hi sinh trong một trận giặc Pháp tàn sát. Người phụ nữ Công giáo Trần Thị Huệ, quê tại một họ đạo nhỏ ở Duy Tiên - Hà Nam. Năm 1947, giặc Pháp cho một đoàn xe tăng đi dọc đê sông Hồng tàn sát phá các làng mạc. Chính Trần Thị Huệ, năm ấy là một thiếu phụ ngoài 30 tuổi đã chôn mìn, giạt mìn phá tung xe tăng giặc. Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, Trần Thị Huệ đã nuôi nấng hàng trăm chiến sĩ bị thương trong các căn hầm bí mật do chị đào ở vườn chuối sau nhà.



Từ cuối năm 1951 trở đi, quân đội Việt Minh mở những cuộc tấn công quy mô lớn vào Đồng bằng Bắc Bộ, nơi mà quân Pháp hết sức bảo vệ. Sự thay đổi về tương quan lực lượng giữa Việt Minh và các lực lượng đối lập làm cho phía Pháp ngày càng lúng túng và đi sâu vào thế bị động. Trong sự biến chuyển đó, hoạt động của những người Công giáo dường như được thêm đà khởi sắc và tự tin hơn. Xu thế đồng hành cùng dân tộc trong cuộc kháng chiến giờ đây đã trở thành một chân lí đúng, được ca ngợi. Với không ít những người Công giáo, sự trở lại và phục hồi của “dòng Công giáo yêu nước” vốn dĩ là một hình ảnh đẹp từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám nay lại là một niềm tin và sự khích lệ lớn đối với họ. *Chí ít, trong thời khắc biến động khắc nghiệt của lịch sử, không phải tất cả người Công giáo đều quay lưng lại với dân tộc, với Chính phủ Hồ Chí Minh. Bên cạnh “dòng đực”, “dòng trong” vẫn chảy và tỏa sáng. Có lẽ chủ nghĩa yêu nước thấm trong dòng máu Việt là điều không thể chối bỏ. Và Công giáo cũng không nằm ngoài thông lệ đó.*

## 5. VÀI NHẬN XÉT

5.1. Tuy không diễn ra mạnh mẽ, chưa đồng đều và phổ biến rộng, sự tham gia trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946-1954 là *điểm tích cực nhất* của Công giáo Đồng bằng Bắc Bộ, phù hợp với lịch sử, là *nền tảng* để Công giáo đồng hành cùng dân tộc, khỏa lấp đi những nghi ngại do lịch sử để lại.

5.2. Người Việt Nam Công giáo trên con đường kháng chiến cùng những người cách mạng là một *phá cách* lớn về mặt *tư tưởng* ở thời điểm lúc đó. Họ đã vượt lên trên tất cả mọi khó khăn trở ngại để tìm lại chính mình. Đây là cơ sở để hình thành một “dòng Công giáo yêu nước”,

hòa nhập cùng tiến trình của dân tộc trong cuộc kháng chiến. Phải nói rằng, những điểm tích cực trong kháng chiến chống Pháp, *đóng góp về giá trị tinh thần của Công giáo Bắc Bộ với Giáo hội Công giáo Việt Nam cao hơn rất nhiều so với những giá trị thực tế mà nó mang lại.* Những hoạt động yêu nước của người Việt Nam Công giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trực tiếp hay gián tiếp, đều có tác động sâu sắc tới chính sách đoàn kết toàn dân tộc.

5.3. Xu hướng Công giáo yêu nước, đồng hành cùng dân tộc tại Việt Nam xuyên suốt chiều dài lịch sử cho tới ngày nay là một xu hướng *đúng và tất yếu.* Trong kháng chiến chống Pháp, Công giáo chưa có điều kiện trở về nguồn trọn vẹn, nhưng đã tạo dựng cơ sở cho việc đó<sup>(21)</sup>. Xu hướng này thừa nhận chỉ có giải phóng dân tộc mới có một hoàn cảnh và điều kiện để giải phóng người Công giáo *khỏi áp bức lệ thuộc cả về mặt đạo và đời.* Tính chất vận động tích cực của Công giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp được bắt nguồn từ tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh.

5.4. Dù thế giới quan khác nhau, người cách mạng và người Công giáo cùng tìm lí tưởng xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người hạnh phúc. Nhưng để thực hiện lí tưởng đó, đòi hỏi giữa Công giáo và người cách mạng phải có những điểm gặp gỡ. Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc là niềm mơ ước chính đáng và là điểm đến mà Công giáo cũng như người Cộng sản đều phải chọn làm mục đích phấn đấu và hết mình vì mục đích ấy./.

21. Từ những nền tảng tích cực của thời kì 1945-1954 đã dẫn đến sự ra đời của Ủy ban Đoàn kết những người Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình năm 1955 tại Miền Bắc Việt Nam.